

Chính sách thương mại vùng biên giới đất liền của Việt Nam: thực trạng và giải pháp trong bối cảnh mới¹

Trương Thị Thu Trang^(*)

Lý Hoàng Mai^(**)

Tóm tắt: Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, thương mại vùng biên giới đất liền ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và củng cố quốc phòng - an ninh tại các khu vực biên giới đất liền của Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh mới hiện nay, khi chuỗi cung ứng toàn cầu biến động mạnh, thương mại điện tử phát triển nhanh, yêu cầu về phát triển bền vững ngày càng được nhấn mạnh và trở thành một xu hướng tất yếu, các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp, việc hoàn thiện chính sách thương mại vùng biên giới đất liền trở thành một yêu cầu cấp bách, nhằm nâng cao hiệu quả giao thương, hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Bài viết phân tích thực trạng chính sách thương mại vùng biên giới đất liền của Việt Nam, đặc biệt đối với ba quốc gia láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam gồm: Trung Quốc, Lào và Campuchia; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách theo hướng phù hợp, hiệu quả và bền vững.

Từ khóa: Thương mại biên giới, Chính sách thương mại, Việt Nam, Trung Quốc, Lào, Campuchia

Abstract: In the process of international and regional economic integration, land border trade plays an increasingly important role in promoting socio-economic development, improving people's lives and strengthening national defense and security in Vietnam's land border areas. Especially, in the current new context of strong fluctuations in the global supply chain, rapid development of e-commerce, the requirements for sustainable development are increasingly emphasized and have become an inevitable trend, while non-traditional security issues are also becoming increasingly complex. The completion of the land border trade policy has become urgent to improve trade efficiency, support

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ “Phát triển kinh tế vùng biên giới đất liền trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại và đầu tư góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong bối cảnh mới” thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay” của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: truongthutrangissi@yahoo.com

^(**) TS., Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: lymaivkt@gmail.com.

local economic development and protect national sovereignty. The article presents and analyzes the current status of Vietnam's land border trade policy, especially with three neighboring countries sharing a land border with Vietnam: China, Laos and Cambodia; thereby, proposing a number of solutions to improve the policy in a suitable, effective and sustainable manner.

Keywords: Border trade, Trade Policy, Vietnam, China, Laos, Cambodia

Ngày nhận bài: 26/6/2025; Ngày duyệt đăng: 15/7/2025

1. Mở đầu

Vùng biên giới đất liền của Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia, có hệ thống cửa khẩu và chợ biên giới trải dài qua nhiều tỉnh, là khu vực có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thúc đẩy hợp tác quốc tế. Những năm qua, hoạt động thương mại vùng biên đã góp phần không nhỏ trong tăng trưởng xuất nhập khẩu, phát triển sản xuất hàng hóa tại chỗ, nâng cao thu nhập và đời sống của cư dân vùng biên giới đất liền. Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại song phương cũng như nhiều văn bản hợp tác kinh tế với từng nước để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại vùng biên giới đất liền. Tuy nhiên, chính sách hiện hành còn nhiều hạn chế như thiếu đồng bộ, quản lý hàng hóa và ngoại hối chưa hiệu quả, đầu tư hạ tầng chưa được xã hội hóa, thủ tục cửa khẩu phức tạp và cơ chế phối hợp với nước bạn còn yếu. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến động toàn cầu, phát triển thương mại biên giới cần kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế, bảo đảm an ninh và phát triển bền vững. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá và hoàn thiện chính sách thương mại biên giới là yêu cầu chiến lược nhằm gắn kết phát triển kinh tế với bảo vệ chủ quyền và tăng cường hội nhập khu vực.

2. Thực trạng chính sách thương mại vùng biên giới đất liền của Việt Nam

2.1. Kết quả đạt được

Chính sách chung đối với hoạt động thương mại biên giới của Việt Nam:

Thứ nhất, về quản lý hàng hóa trao đổi qua biên giới, trao đổi hàng hóa qua biên giới tại Việt Nam bao gồm cả hoạt động thương mại chính thức và thương mại tiểu ngạch. Thương mại qua biên giới không chỉ bao gồm việc vận chuyển hàng hóa qua các cửa khẩu quốc tế mà còn liên quan đến các hoạt động tại các chợ biên giới, các điểm giao dịch và cửa khẩu phụ. Đối với hoạt động thương mại chính thức, các hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới phải chịu sự kiểm tra của cơ quan hải quan để đảm bảo tuân thủ các quy định về thuế, chất lượng và an ninh. Cơ quan hải quan có quyền kiểm tra hàng hóa, kiểm soát các mặt hàng không được phép nhập khẩu hoặc xuất khẩu (như hàng cấm, hàng hóa vi phạm sở hữu trí tuệ, v.v...). Một số loại hàng hóa yêu cầu giấy phép xuất nhập khẩu, tùy thuộc vào từng loại hàng hóa và thị trường giao dịch. Đối với thương mại tiểu ngạch, các mặt hàng tiểu ngạch phải có nguồn gốc và khi qua biên giới phải được khai báo tại các trạm kiểm soát hải quan, tuy nhiên các thủ tục này thường đơn giản hơn so với thương mại chính thức và không cần quá nhiều giấy tờ.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu qua biên giới phải tuân thủ quy định về thuế, bao

gồm thuế xuất khẩu, nhập khẩu và các loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, đối với hàng hóa tiểu ngạch, mức thuế thường được áp dụng thấp hơn so với hàng hóa xuất nhập khẩu chính thức.

Thương nhân thực hiện hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa qua cửa khẩu chính thức. Trường hợp hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới thực hiện qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, Ủy ban nhân dân tỉnh có đường biên giới sẽ quyết định, công bố Danh mục các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới được phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa sau khi trao đổi, thống nhất với các bộ, ngành liên quan về việc đảm bảo có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước. Cư dân biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới do Bộ Công Thương ban hành và được hưởng định mức miễn thuế theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Cơ quan hải quan và các lực lượng chức năng khác (cơ quan kiểm lâm, kiểm dịch thực vật, động vật) phối hợp để kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến buôn lậu và nhập khẩu trái phép các mặt hàng cấm và hạn chế.

Thứ hai, về chính sách hỗ trợ thương nhân, cư dân biên giới, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều biện pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các hoạt động thương mại biên mậu, đặc biệt là đối với cư dân biên giới và thương nhân tiểu ngạch. Các thủ tục thông quan hàng hóa qua cửa khẩu biên giới được cải cách, giảm bớt các giấy tờ hành chính và thủ tục

kiểm tra. Điều này giúp thương nhân biên giới tiết kiệm thời gian và chi phí giao dịch. Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Chính phủ và các ngân hàng có thể hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp và thương nhân biên giới thông qua các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc các khoản vay ngắn hạn phục vụ cho việc mua bán hàng hóa qua biên giới.

Thứ ba, về chính sách phát triển hạ tầng thương mại biên giới, Chính phủ cần tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng biên giới, bao gồm các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu phụ, chợ biên giới và các khu vực giao dịch thương mại; Hỗ trợ xây dựng các tuyến đường biên giới và kết nối giao thông vận tải, giúp việc vận chuyển hàng hóa qua biên giới trở nên dễ dàng hơn.

Thứ tư, về quản lý ngoại hối, hoạt động thương mại biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, sử dụng đồng tiền Việt Nam hoặc đồng tiền của nước có chung biên giới với 3 phương thức thanh toán là thanh toán qua ngân hàng; thanh toán bù trừ giữa hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu (phần chênh lệch thanh toán qua ngân hàng); và thanh toán bằng tiền mặt.

Thứ năm, chính sách quản lý cửa khẩu biên giới đẩy mạnh việc kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thương mại và di chuyển qua biên giới để ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi vi phạm pháp luật.

Chính sách riêng đối với từng quốc gia có chung đường biên giới đất liền:

(i) Với Trung Quốc

Chính sách ưu tiên phát triển các cặp cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu chuyên biệt. Việt Nam và Trung Quốc đã phối hợp xây dựng các cửa khẩu thông minh như: Tân Thanh - Pò Chải; Móng Cái - Đông

Hung, với cơ chế thông quan linh hoạt và hạ tầng hiện đại. Các khu kinh tế cửa khẩu như Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) và Lào Cai¹ được ưu tiên đầu tư với các chính sách đặc thù về miễn giảm thuế đất, hỗ trợ vốn vay và thu hút đầu tư tư nhân để phát triển logistics và dịch vụ thương mại.

Chính sách hợp tác thương mại điện tử và kinh tế số xuyên biên giới. Việt Nam đã thiết lập các chính sách đặc thù để thúc đẩy hợp tác với Trung Quốc trong lĩnh vực này, đặc biệt tại các tỉnh biên giới như Quảng Ninh và Lạng Sơn². Các hội chợ thương mại điện tử biên giới được tổ chức thường xuyên, như Hội chợ Thương mại biên giới Việt - Trung tại tỉnh Lào Cai, để kết nối doanh nghiệp hai bên và quảng bá sản phẩm trên các nền tảng trực tuyến. Việt Nam cũng khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ số để đơn giản hóa quy trình xuất nhập khẩu, như áp dụng blockchain trong chuỗi cung ứng và hệ thống thanh toán điện tử. Chính sách này không chỉ tăng hiệu quả giao thương mà còn giảm rủi ro gian lận thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Chính sách hỗ trợ xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc. Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết các Nghị định thư về kiểm dịch thực vật, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn bao bì, nhằm mở cửa chính ngạch cho nhiều mặt hàng nông sản như: thanh long, xoài, mít, chanh leo, sầu riêng, khoai lang, chuối, dưa hấu. Chính phủ Việt Nam đã hợp tác với các cơ quan chức năng của Trung Quốc để đảm bảo nhiều sản phẩm

nông nghiệp hơn được chứng nhận và kiểm tra theo các tiêu chuẩn SPS bắt buộc. Các nhà xuất khẩu của Việt Nam được khuyến khích lấy chứng nhận Chương trình Hữu cơ Quốc gia Việt Nam (VNOP) cho các sản phẩm hữu cơ và tuân thủ các tiêu chuẩn chứng nhận xanh của Trung Quốc. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam³ đã tổ chức các chương trình đào tạo để giúp nông dân làm quen với các yêu cầu mới của Trung Quốc và các thủ tục chứng nhận, tập trung vào việc giảm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và cải thiện khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm (Đỗ Hương, 2024).

Chính sách hợp tác song phương giữa các địa phương biên giới. Việt Nam đã ký gần 40 văn bản hợp tác kinh tế với Trung Quốc, như: Hiệp định Thương mại biên giới (năm 1991, sửa đổi năm 2016), Hiệp định Xây dựng cầu đường bộ qua sông Hồng tại Lào Cai - Vân Nam, cùng nhiều bản ghi nhớ với các tỉnh như Tứ Xuyên (2009), Quảng Tây (2019), Vân Nam (2022), Hải Nam và Sơn Đông (2024) (Trịnh Minh Anh, 2024). Các văn bản này đã giúp thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại ổn định; khai thác thế mạnh địa phương; tạo thuận lợi thông quan hàng hóa, nhất là xuất khẩu sang Trung Quốc; thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin giữa hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và hỗ trợ mở cửa thị trường cho nông sản, trái cây Việt Nam.

Cơ chế phối hợp song phương đặc biệt trong quản lý và giải quyết tranh chấp thương mại biên giới. Việt Nam và Trung Quốc đã thiết lập cơ chế hợp luân phiên, thường niên cấp Bộ trưởng. Hai bên thành lập tổ công tác chung về kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm để thúc đẩy hợp tác và

¹ Tỉnh Lào Cai đã sáp nhập với tỉnh Yên Bái theo Nghị quyết của Quốc hội, chính thức thành lập tỉnh Lào Cai mới từ ngày 01/7/2025.

² Lạng Sơn và Quảng Ninh là hai tỉnh vẫn giữ nguyên theo địa giới hành chính cũ, không sáp nhập theo Nghị quyết của Quốc hội từ ngày 01/7/2025.

³ nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong xuất khẩu nông thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc (Trịnh Minh Anh, 2024).

(ii) Với Lào

Ưu đãi về thuế và thủ tục thông quan. Hiệp định Thương mại biên giới Việt - Lào thống nhất, trên cơ sở cơ chế đặc thù của hoạt động thương mại biên giới phù hợp với các điều ước quốc tế song phương và đa phương mà hai nước là thành viên, hai nước dành ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu 0% cho các loại hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam và Lào. Đồng thời, Việt Nam thí điểm áp dụng thủ tục một cửa - một điểm dừng tại một số cặp cửa khẩu với Lào như: Lao Bảo - Đen Savan, Cầu Treo - Nam Phao, nhằm giảm thời gian và chi phí thông quan.

Chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất và phát triển chuỗi liên kết nông nghiệp biên giới. Các dự án đầu tư được hỗ trợ thông qua ưu đãi tín dụng, miễn giảm thuế đất và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Đồng thời, Việt Nam cũng tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch qua biên giới, phát triển dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới và thuận lợi hóa thương mại tại các vùng biên giới đất liền với Lào.

Chính sách ưu tiên phát triển một số khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm giáp Lào, ưu tiên phát triển các khu kinh tế như: Khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị) - một trong những cửa khẩu đầu tiên có mô hình quản lý kinh tế cửa khẩu hiệu quả; Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (tỉnh Quảng Bình¹), cửa khẩu Cầu Treo (tỉnh Hà Tĩnh), Nậm Cắn (tỉnh Nghệ An), Tây Trang (tỉnh Điện Biên)... , trong đó Chính phủ hỗ trợ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: đường giao thông nối cửa khẩu, kho hàng, trung tâm logistics, kiểm dịch, chợ biên giới...

Cơ chế phối hợp song phương và xúc tiến thương mại biên giới. Hai nước thống nhất thành lập Ban Chỉ đạo thương mại biên giới Việt Nam - Lào, khuyến khích thành lập Hiệp hội Thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào.

(iii) Với Campuchia

Chính sách ưu đãi thuế quan đặc biệt. Hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia và ngược lại có thể được miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế theo luật và quy định của mỗi nước.

Chính sách phát triển chợ và hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia. Việt Nam có chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực biên giới đất liền tiếp giáp với Campuchia; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới, bao gồm nhưng không giới hạn đối với: kho bãi, giao nhận, vận chuyển, chế biến, bảo quản hàng hóa, dịch vụ ngân hàng và tài chính; nâng cấp cửa khẩu, cải thiện khâu quản lý và chống buôn lậu, chống hàng giả để tạo môi trường kinh doanh công bằng, an toàn.

Chính sách hợp tác, kết nối vận tải đường bộ. Hoạt động vận tải liên vận giữa Việt Nam và Campuchia đi qua 11 cặp cửa khẩu. Hai bên đã cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng tại các cặp cửa khẩu và các tuyến đường kết nối tới cửa khẩu, nâng cấp các cặp cửa khẩu song phương lên cửa khẩu quốc tế. Qua đó, đáp ứng nhu cầu hoạt động vận tải liên vận của các doanh nghiệp vận tải, nhu cầu đi lại của người dân hai nước, khách du lịch quốc tế và vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu của hai nước (Hạnh Châu, 2025).

Chính sách phối hợp quản lý cửa khẩu và kiểm tra chuyên ngành. Việt Nam và Campuchia thường xuyên trao đổi thông tin về chủ trương, chính sách của hai nước trong lĩnh vực hải quan, trao đổi về quy

¹ nay là tỉnh Quảng Trị.

trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa của cư dân biên giới, phương tiện xuất nhập cảnh, hành lý xuất nhập cảnh, quá cảnh để phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh tại khu vực cửa khẩu. Đồng thời, hai bên phối hợp chặt chẽ và kịp thời trong xác minh các vụ việc nghi ngờ vi phạm pháp luật hải quan; nghiên cứu cơ chế phối hợp quản lý rủi ro để áp dụng chung, giúp nhận diện hàng hóa và đối tượng nghi ngờ, từ đó tăng cường hiệu quả kiểm soát; tích cực phối hợp với cơ quan chức năng của mỗi bên cung cấp danh sách các đối tượng có khả năng mang vác, vận chuyển trái phép chất cấm qua biên giới cửa khẩu để có biện pháp quản lý, ngăn ngừa, ngăn chặn, bắt giữ theo quy định (Danh Anh, 2019).

2.2. Một vài vấn đề tồn tại

Thứ nhất, các chính sách chưa thật sự đồng bộ, thiếu ổn định, chưa khai thác tối đa tiềm năng giao thương qua biên giới. Mặc dù Việt Nam đã ban hành những văn bản quy phạm pháp luật quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung đường biên giới, song công tác quản lý còn phân tán, thiếu phân cấp linh hoạt từ Trung ương đến địa phương. Các cơ quan quản lý ở các tỉnh biên giới còn lúng túng, chậm điều chỉnh chính sách, do thiếu chiến lược tổng thể rõ ràng.

Thứ hai, chính sách quản lý đối với hàng hóa biên giới và phát triển các chợ biên giới còn nhiều bất cập mang nặng tính hành chính, chưa áp dụng công nghệ hiện đại để giám sát, truy xuất nguồn gốc. Việc chưa phân định rõ hàng hóa tiểu ngạch và chính ngạch dẫn đến tình trạng gian lận, nhập lậu, gây thất thu ngân sách và suy yếu thương mại chính thức.

Thứ ba, chính sách quản lý ngoại hối còn lỏng lẻo khiến một số đối tượng lợi dụng để mua ngoại tệ hợp pháp rồi bán chợ đen. Yêu cầu kiểm soát chặt giao dịch ngoại tệ khiến nhiều giao dịch diễn ra ngoài hệ thống ngân hàng, thúc đẩy thị trường chợ đen.

Thứ tư, chính sách xã hội hóa đầu tư tại chợ biên giới, cửa khẩu chưa đủ mạnh. Nghị định số 122/2024/NĐ-CP chưa tạo ưu đãi hấp dẫn về thuế, đất đai, tín dụng để thu hút tư nhân đầu tư vào các khu như Lao Bảo, Móng Cái. Do đó, nhiều chợ biên giới thiếu cơ sở vật chất, dịch vụ logistics hiện đại, giảm sức cạnh tranh.

Thứ năm, chính sách quản lý cửa khẩu chưa giải quyết hiệu quả các vấn đề về buôn lậu, gian lận thương mại, cạnh tranh không lành mạnh và thủ tục hành chính còn phức tạp. Việc phối hợp giữa hải quan, biên phòng, quản lý thị trường thiếu chặt chẽ, thủ tục thông quan kéo dài, thiếu minh bạch, gây những nhiễu và chi phí ngoài luồng.

Thứ sáu, cơ chế phối hợp giữa Việt Nam và các nước láng giềng, đặc biệt là Trung Quốc, Lào và Campuchia, nhằm bảo vệ doanh nghiệp Việt Nam trong bảo vệ doanh nghiệp xuất khẩu chưa đồng bộ. Hiệp định song phương tuy đã có nhưng triển khai chậm, không nhất quán, nhất là khi phát sinh xung đột lợi ích hay thay đổi chính sách phía nước bạn. Việt Nam thiếu cơ chế cảnh báo sớm, đường dây nóng và khung pháp lý bảo vệ doanh nghiệp.

3. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách thương mại vùng biên giới đất liền của Việt Nam thời gian tới

Trong bối cảnh thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, thương mại biên giới đất liền của Việt Nam với Trung Quốc, Lào và Campuchia sẽ chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố kinh tế, chính trị và công nghệ trong giai đoạn 2025-2030. Các xu hướng

toàn cầu như cạnh tranh địa chính trị, suy thoái kinh tế, chuyển đổi số, phát triển bền vững, cùng với những thay đổi trong nước về chính sách và năng lực quản lý, sẽ định hình triển vọng và thách thức cho hoạt động thương mại biên mậu. Ở trong nước, việc sáp nhập địa giới hành chính các tỉnh có vùng biên giới đất liền cũng như việc tập trung thực hiện 04 Nghị quyết đột phá được coi là “Bộ tứ trụ cột”¹ do Bộ Chính trị ban hành nhằm đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới sẽ có ảnh hưởng lớn đến chính sách thương mại vùng biên giới đất liền của Việt Nam thời gian tới. Các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thương mại vùng biên giới đất liền của Việt Nam gồm:

Thứ nhất, cần xây dựng chiến lược phát triển thương mại biên giới tổng thể và tăng cường phân cấp quản lý để đảm bảo đồng bộ, ổn định và khai thác tối đa tiềm năng giao thương. Việt Nam cần ban hành một Bộ quy chế quản lý thương mại biên giới thống nhất, tích hợp các quy định liên quan (về hải quan, kiểm dịch, ngoại hối, đầu tư...) nhằm hạn chế chồng chéo (Ngọc Linh, 2024). Ngoài ra, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và biến động địa chính trị - kinh tế toàn cầu, chính sách phát triển thương mại vùng biên cần đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích kinh tế, bảo đảm an ninh quốc gia và phát triển bền vững.

Thứ hai, áp dụng công nghệ hiện đại trong quản lý hàng hóa và phát triển chợ

biên giới. Việt Nam cần đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại trong giám sát, truy xuất nguồn gốc và kiểm định chất lượng hàng hóa. Tăng cường triển khai hệ thống hải quan điện tử thông minh, ứng dụng công nghệ hiện đại giúp tăng tính minh bạch và giảm gian lận thương mại.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách quản lý ngoại hối và phòng ngừa trục lợi. Cần điều chỉnh quy định về hoạt động thanh toán của thương nhân và cư dân biên giới (Minh Hiền, 2024), có cơ chế, chính sách khuyến khích các ngân hàng thương mại đầu tư đặt chi nhánh tại từng cửa khẩu biên giới đất liền. Xây dựng các khung hợp tác giữa các ngân hàng thương mại của Việt Nam với các ngân hàng thương mại của các nước có chung biên giới như Trung Quốc, Lào và Campuchia. Xây dựng cơ chế hoán đổi tỷ giá công khai và minh bạch giữa đồng Việt Nam với đồng tiền của các nước và ngoại tệ tự do chuyển đổi. Đồng thời, thống nhất về thủ tục thanh toán giữa các ngân hàng thương mại để tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân và cư dân biên giới.

Thứ tư, thúc đẩy xã hội hóa đầu tư tại cửa khẩu và chợ biên giới (Đào Ngọc Tuấn, 2025). Hoàn thiện chính sách kho bãi, kinh doanh, giao nhận, vận chuyển, dịch vụ kho bãi, gia công, đóng gói, giao nhận, vận chuyển khu vực biên giới đất liền giữa Việt Nam với các nước Trung Quốc, Lào và Campuchia. Bên cạnh nguồn lực đầu tư từ ngân sách, cần khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện phương thức xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động thương mại biên giới giữa Việt Nam với ba nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền của Việt Nam bằng cách tăng ưu đãi cho doanh nghiệp, phát

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.

triển mô hình hợp tác công - tư trong xây dựng trung tâm logistics, chợ đầu mối và kho ngoại quan ở khu kinh tế cửa khẩu. Công khai quy hoạch các khu biên giới, rút ngắn thủ tục đầu tư để khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia.

Thứ năm, cần cải cách quản lý cửa khẩu và tăng cường chống buôn lậu, gian lận thương mại. Cần thống nhất cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan quản lý cửa khẩu để hài hòa thủ tục, bảo đảm các hoạt động tại cửa khẩu được thực hiện thống nhất, đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, có trật tự, nề nếp, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy các hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hóa, xuất - nhập cảnh người, phương tiện giao thông vận tải qua các cửa khẩu theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính qua các cửa khẩu biên giới.

Thứ sáu, cần tăng cường cơ chế phối hợp song phương để bảo vệ doanh nghiệp xuất khẩu. Hoàn thiện cơ chế, nội dung, phương thức kết hợp và vận hành hiệu quả trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Thiết lập các cơ chế đối thoại thường xuyên với các quốc gia láng giềng để giải quyết các vấn đề liên quan đến biên giới, thương mại và an ninh. Đảm bảo các cơ chế này hoạt động hiệu quả và có thể giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình.

4. Kết luận

Chính sách thương mại vùng biên giới đất liền của Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế địa phương, kết nối khu vực và tăng cường quan hệ đối ngoại. Mặc dù đạt được một số kết quả đáng ghi nhận trong thời gian qua, nhưng chính sách này vẫn còn những bất cập, hạn chế cần hoàn thiện. Trước bối cảnh mới của nền kinh tế toàn cầu cũng như bối cảnh trong nước thực hiện việc sắp xếp lại

đơn vị hành chính cấp tỉnh¹, thực hiện 04 Nghị quyết đột phá, nhiều cơ hội và thách thức đan xen trong phát triển thương mại vùng biên giới đất liền. Việc điều chỉnh, hoàn thiện và triển khai hiệu quả các chính sách thương mại biên giới là hết sức cần thiết góp phần thúc đẩy thương mại biên giới thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế và là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam với các nước láng giềng và khu vực □

Tài liệu tham khảo

1. Danh Anh (2019), “Phối hợp quản lý cửa khẩu, kiểm soát xuất nhập cảnh qua biên giới”, *Báo Biên phòng* ngày 20/8, <https://www.bienphong.com.vn/phoi-hop-quan-ly-cua-khau-kiem-soat-xuat-nhap-can-h-qua-bien-gioi-post351434.html>
2. Trịnh Minh Anh (2024), “Việt Nam-Trung Quốc: Phát huy tối đa cơ chế hợp tác kinh tế song phương”, *Vietnam+* ngày 27/9, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-trung-quoc-phat-huy-toi-da-co-che-hop-tac-kinh-te-song-phuong-post979608.vnp>
3. Minh Hiền (2024), “Hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại biên giới”, *Báo điện tử Chính phủ* ngày 04/01, <https://baochinhphu.vn/hoan-thien-co-so-phap-ly-nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-thuong-mai-bien-gioi-102240104111414087.htm>

(xem tiếp trang 10)

¹ Trước ngày 01/7/2025, trong số 63 tỉnh, thành của Việt Nam có 25 tỉnh có đường biên giới quốc gia đất liền. Từ tháng 7/2025, sau khi thực hiện sáp nhập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, Việt Nam có 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (bao gồm 28 tỉnh và 06 thành phố), trong đó số tỉnh có đường biên giới đất liền còn là 23 tỉnh, thành phố.